

越前市の避難場所

Địa điểm lánh nạn ở thành phố Echizen

福井県越前市
Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn！

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

東地区Khu vực HIGASHI

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đối.... vv	災害区分Khu vực thiên tai	一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời	避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán	屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời
府中一丁目		FUCHU 1 CHOME		地震時	市役所正面駐車場	府中一丁目13-7	屋外
府中二丁目		FUCHU 2 CHOME		地震時	福井鉄道越前武生駅前広場	府中二丁目	屋外
				風水害時	越前市東公民館	国府二丁目9-12	屋内
府中三丁目		FUCHU 3 CHOME		全災害時	武生東小学校グラウンド	国府二丁目9-12	屋外
吾妻町		AZUMA-CHO		風水害時	平和堂4Fフロアー	府中一丁目	屋内
				全災害時	立体交差下広場	吾妻町1	屋外
住吉町		SUMIYOSHI- CHO		全災害時	スミヨシパーク(矢佐駐車場)	住吉町3-22	屋外
堀川町		HORIKAWA-CHO		風水害時	堀川町ふれあい会館	堀川町4-18	屋内
				地震時	錦公園	堀川町4-18	屋外
				全災害時	井元産婦人科医院	堀川町6-25	屋内
				全災害時	フォーユー・エクセル・わかたけ	堀川町9-15	屋内
錦町		NISHIKI-CHO		全災害時	錦町ふれあい会館	錦町	屋内
万代町		BANDAI-CHO		風水害時	武生東小学校体育館	国府二丁目9-12	屋内
				地震時	日信化学グラウンド	万代町10	屋外
天王町		TENNOU-CHO		全災害時	八坂神社	天王町5	屋外
蓬萊町		HOURL-CHO		全災害時	蔵の辻広場	蓬萊町4	屋外
幸町		SAIWA-CHO		地震時	市役所正面駐車場	府中一丁目13-7	屋外
国府一丁目		KOKUFU 1 CHOME		全災害時	本興寺境内	国府一丁目4-13	屋外
国府二丁目		KOKUFU 2 CHOME		風水害時	武生東小学校体育館	国府二丁目9-12	屋内
				地震時	武生東小学校体育館前広場	国府二丁目9-12	屋外
北府一丁目		KITAGO 1 CHOME		全災害時	南越清掃組合第一清掃センター	北府一丁目3-20	屋外
北府二丁目		KITAGO 2 CHOME		風水害時	越前外科内科病院	北府二丁目12-13	屋内
				地震時	信越石英駐車場	北府二丁目10-6	屋外
北府三丁目		KITAGO 3 CHOME		全災害時	信越化学本田アパート公園	北府三丁目2	屋外
北府四丁目		KITAGO 4 CHOME		全災害時	北府ふれあい公園	北府四丁目	屋外
桂町		KATSURA-CHO		地震時	有明パーキング駐車場	桂町5	屋外
				全災害時	武生東小学校体育館	国府二丁目9-12	屋内
本多二丁目		HONDA 2 CHOME		全災害時	JA越前たけふ農協会館	本多二丁目10-22	屋内・屋外
本多三丁目		HONDA 3 CHOME		全災害時	JA武生翠光苑	本多二丁目9-13	屋内

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng	災害区分Khu vực thiên tai	住所Địa chỉ	電話番号Số điện thoại
武生東小学校 Higashi Shoogakkoo	全災害 Mọi thiên tai	国府二丁目9-12 Kokufu 2 chome 9-12	0778-22-0367

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời】

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng		災害区分Khu vực thiên tai		住所Địa chỉ		電話番号Số điện thoại
武生西小学校	Trường tiểu học Takefu Nishi Shoogakko	全災害	Mọi thiên tai	中央二丁目2-13	Chuo 2 chome 2-13	0778-22-0408
武生第一中学校	Trường trung học Takefu Dai-ichi Chuugakko	全災害	Mọi thiên tai	平出一丁目6-1	Hiraide 1 chome 6-1	0778-23-1411

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

南地区Khu vực MINAMI

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đội,... vv	災害区分Khu vực thiên tai	一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời	避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán	屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời
南一丁目		MINAMI 1 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	町内児童公園 Công viên Jidou Kooen	南一丁目6-4 Minami 1chome 6-4	屋外 Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	武生工業高校 Trường trung học Takefu Koogyoo Kookoo	文京一丁目14-16 Bunkyo 1chome 14-16	屋外 Ngoài trời
南二・三丁目		MINAMI 2・3 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	南二・三丁目集会所前道路 Đường trước điểm tập trung Minami 2,3 choume Shuukaijo	南二丁目5-22 Minami 2chome 5-22	屋外 Ngoài trời
武生柳町		TAKEFU YANAGI-CHO		地震時 Động đất	武生南小学校グラウンド Sân trường của trường tiểu học Takefu Minami Shoogakkkoo Guraundo	武生柳町13-20 Takefu Yanagi-cho 13-20	屋外 Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	武生南公民館 Hội trường công cộng Takefu Minami Koominkan	武生柳町12-27 Takefu Yanagi-cho 12-27	屋内 Trong nhà
若竹町		WAKATAKE-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	武生南小学校グラウンド Sân trường của trường tiểu học Takefu Minami Shoogakkkoo Guraundo	武生柳町13-20 Takefu Yanagi-cho 13-20	屋外 Ngoài trời
あおば町		AOBA-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	円宮寺境内 Chùa Enguu-ji	あおば町2-41 Aoba-cho 2-41	屋内 Trong nhà
神明町		SHINMEI-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	神明町多目的広場 Quảng trường Shinmei-cho Tamokuteki Hiroba	神明町4-4 Shinmei-cho 4-4	屋外 Ngoài trời
豊町		YUTAKA-CHO		風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	武生南小学校体育館 Phòng tập thể dục trường tiểu học Takefu Minami Shoogakkkoo Taiikukan	若竹町11 Wakatake-cho 11	屋内 Trong nhà
				地震時 Động đất	諏太呂南側駐車場 Bãi đậu xe phía nam nhà hàng nướng yakiniku "Kuitaroo"	豊町7 Yutaka-cho 7	屋外 Ngoài trời
姫川一丁目		HIMEKAWA 1 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	南元公園 Công viên Minamimoto Kooen	姫川一丁目6 Himekawa 1 chome 6	屋外 Ngoài trời
姫川二丁目		HIMEKAWA 2 CHOME		風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	姫川町生活改善センター Trung tâm Himekawa-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	姫川二丁目13-33 Himekawa 2 chome 13-33	屋内 Trong nhà
				地震時 Động đất	姫川公園 Công viên Himekawa Kooen	姫川二丁目14 Himekawa 2 chome 14	屋外 Ngoài trời
文京一丁目		BUNKYO 1 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	文一会館 Hội trường Bun-ichi Kaikan	文京一丁目12 Bunkyo 1 chome 12	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	武生工業高校 Trường trung học Takefu Koogyoo Kookoo	文京一丁目14-16 Bunkyo 1 chome 14-16	屋外 Ngoài trời
文京二丁目		BUNKYO 2 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	文京公園 Công viên Bunkyo Kooen	文京二丁目5 Bunkyo 2 chome 5	屋外 Ngoài trời
御幸町		MIYUKI-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	武生南公民館駐車場 Bãi đậu xe của Trung tâm cộng đồng Takefu Shoogakkkoo Jishin-ji Kannonodoo	武生柳町12-27 Takefu Yanagi-cho 12-27	屋外 Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	Chùa Nakabasami Jishin-ji Kannonodoo	御幸町8 Miyuki-cho 8	屋外 Ngoài trời
東千福町		HIGASHI SENPUKU-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	紫式部公園 Công viên Murasakishikibu Kooen	東千福町20 Higashi Senpuku-cho 20	屋外 Ngoài trời
行松町		YUKIMATSU-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	行松会館 Hội trường Yukimatsu Kaikan	行松町20-15-1 Yukimatsu-cho 20-15-1	屋内 Trong nhà
妙法寺町	1～6班	MYOHOJI-CHO	Nhóm đội 1-6	風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	妙法寺町改善センター Trung tâm Myoohooji-cho Kaizen Sentaa	妙法寺町17-52 Myohoji-cho 17-52	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời
	1～5班		Nhóm đội 1-5	風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	安証寺 Chùa Anshoo-ji	妙法寺町14-41 Myohoji-cho 14-41	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời
	5～6班		Nhóm đội 5-6	地震時 Động đất	妙法寺公園、改善センター Công viên Myoohooji Kooen / Trung tâm Kaizen	妙法寺町648 Myohoji-cho 648	屋外 Ngoài trời
松森町		MATSUMORI-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	神山南部式部公園 Công viên Kamiyama-nanbu Shikibu Kooen	妙法寺町392 Myohoji-cho 392	屋外 Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	地蔵公園 Công viên Jizoo Kooen	松森町21-10 Matsumori-cho 21-10	屋外 Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	十府神社境内 Đền Toofu-jinja	松森町21 Matsumori-cho 21	屋外 Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	月見地蔵境内 Chùa Tsukimijizoo	松森町23 Matsumori-cho 23	屋外 Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	行松会館 Hội trường Yukimatsu Kaikan	行松町10-51-1 Yukimatsu-cho 10-51-1	屋内 Trong nhà
月見町		TSUKIMI-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	月見町ふれあい会館 Hội trường Tsukimi-cho Fureai Kaikan	月見町25 Tsukimi-cho 25	屋内 Trong nhà
				全災害時 Mọi thiên tai	月見公園 Công viên Tsukimi Kooen	月見町26 Tsukimi-cho 26	屋外 Ngoài trời
暇町		NAWATE-CHO		風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	武生第二中学校体育館 Phòng tập thể dục Trường trung học Takefu Dai-ni Chuugakkoo Taiikukan	妙法寺町42-15 Myohoji-cho 42-15	屋内 Trong nhà
				地震時 Động đất	暇公園 Công viên Nawate Kooen	暇町 Nawate-cho	屋外 Ngoài trời
常久町		TSUNEHISA-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	常久町集会場 Hội trường Tsunehisa-cho Shuukaijo	常久町2-21 Tsunehisa-cho 2-21	屋内 Trong nhà
				全災害時 Mọi thiên tai	日笠神社境内 Đền Hino-jinja	常久町2-21 Tsunehisa-cho 2-21	屋外 Ngoài trời
常久団地		TSUNEHISA DANCHI		全災害時 Mọi thiên tai	武生第二中学校体育館 Phòng tập thể dục Trường trung học Takefu Dai-ni Chuugakkoo Taiikukan	妙法寺町42-15 Myohoji-cho 42-15	屋内 Trong nhà
				全災害時 Mọi thiên tai	土川医院駐車場 Bãi đậu xe phòng khám bệnh Tsuchikawa Iin	常久町8-1 Tsunehisa-cho 8-1	屋外 Ngoài trời
学園団地		GAKUEN DANCHI		風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	武生第二中学校体育館 Phòng tập thể dục Trường trung học Takefu Dai-ni Chuugakkoo Taiikukan	妙法寺町42-15 Myohoji-cho 42-15	屋内 Trong nhà
				全災害時 Mọi thiên tai	武生第二中学校グラウンド Sân trường của Trường trung học Takefu Dai-ni Chuugakkoo Guraundo	妙法寺町42-15 Myohoji-cho 42-15	屋外 Ngoài trời
三ツ口町		MITSUUCHI-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	三ツ口公園 Công viên Mitsukuchi Kooen	三ツ口町 Mitsukuchi-cho	屋外 Ngoài trời
千福町		SENPUKU-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	千福町民センター広場 Quảng trường trung tâm Senpuku Choomin Sentaa Hiroba	千福町252 Senpuku-cho252	屋外 Ngoài trời

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng	災害区分Khu vực thiên tai	住所Địa chỉ	電話番号Số điện thoại
武生南小学校 Trường tiểu học Takefu Minami Shoogakkkoo	全災害 Mọi thiên tai	武生柳町13-20 Takefuyanagi-cho 13-20	0778-22-0366
武生第二中学校 Trường trung học Takefu Dai-ni Chuugakkoo	全災害 Mọi thiên tai	妙法寺町42-15 Myoohooji-cho 42-15	0778-23-1422

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời 】												
地区Khu vực	町名	班等	Tên Phường	Nhóm đội... vv	災害区分Khu vực thiên tai		一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời		避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán		屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời	
神山 KAMIYAMA	岡本町		OKAMOTO-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	岡本町住民センター	Trung tâm Okamoto-cho Juumin Sentaa	岡本町7-10-4	Okamoto-cho 7-10-4	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	広瀬町	追分、谷下	OIWAKE, TANKA	風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	上広瀬ふれあい会館	Hội trường Kamihirose Fureai Kaikan	広瀬町96-101	Hirose-cho 96-101	屋内	Trong nhà	
				地震時	Động đất	追分三叉路広場	Quảng trường Oiwake Sansaro Hiroba	広瀬町166	Hirose-cho 166	屋外	Ngoài trời	
		上戸、中丁西垣の内	UEDO, NAKACHO, NISHIGAKINOUCHI	全災害時	Mọi thiên tai	上広瀬ふれあい会館	Hội trường Kamihirose Fureai Kaikan	広瀬町96-101	Hirose-cho 96-101	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
				全災害時	Mọi thiên tai	上広瀬ふれあい会館	Hội trường Kamihirose Fureai Kaikan	広瀬町96-101	Hirose-cho 96-101	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
		大門、西出、岩崎	DAIMON, NISHIDE, IWAZAKI									
		新田、下丁ウッドタウン1.2	SHINDEN, SHIMOCHO, UDDOTAUN 1,2	風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	神山小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Kamiyama Shoogakkoo Taiiukuan	広瀬町102-43	Hirose-cho 102-43	屋内	Trong nhà	
				地震時	Động đất	神山小学校グラウンド	Sân trường của trường tiểu học Kamiyama Shoogakkoo Guraundo	広瀬町102-43	Hirose-cho 102-43	屋外	Ngoài trời	
		暖、四ツ辻、立出、十瀬、中央	NAWATE, YOTSUTSUJI, TACHIDE, JYUSE, CHUUOO	風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	神山小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Kamiyama Shoogakkoo Taiiukuan	広瀬町102-43	Hirose-cho 102-43	屋内	Trong nhà	
				地震時	Động đất	神山小学校グラウンド	Sân trường của trường tiểu học Kamiyama Shoogakkoo Guraundo	広瀬町102-43	Hirose-cho 102-43	屋外	Ngoài trời	
		正善寺、垣の内、光徳寺、南通り	SHOZENJI, KAKI NO UCHI, KOTOKUJI, MINAMI DORI	風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	越前市勤労者研修センター（ワークステップひろせ）	Trung tâm Echizen-shi Kinrousha Kenshush Sentaa (Waakusuteppe Hirose)	広瀬町141-1-1	Hirose-cho 141-1-1	屋内	Trong nhà	
				地震時	Động đất	龍神庭園	Vườn (công viên) Ryoujin Teien	広瀬町10-18	Hirose-cho 10-18	屋外	Ngoài trời	
		朝日、柿の木	ASAHI, KAKI NO KI	全災害時	Mọi thiên tai	越前市勤労者研修センター（ワークステップひろせ）	Trung tâm Echizen-shi Kinrousha Kenshush Sentaa (Waakusuteppe Hirose)	広瀬町141-1-1	Hirose-cho 141-1-1	屋内	Trong nhà	
		中道、京田水窪、馬塚	NAKAMICHI, KYOUTA, MIZUKUBO, UMAMAZUKA	全災害時	Mọi thiên tai	越前市勤労者研修センター（ワークステップひろせ）	Trung tâm Echizen-shi Kinrousha Kenshush Sentaa (Waakusuteppe Hirose)	広瀬町141-1-1	Hirose-cho 141-1-1	屋内	Trong nhà	
		下馬塚、市営住宅	SHIMOUMAZUKA, SHIEI JYUTAKU	全災害時	Mọi thiên tai	越前市勤労者研修センター（ワークステップひろせ）	Trung tâm Echizen-shi Kinrousha Kenshush Sentaa (Waakusuteppe Hirose)	広瀬町141-1-1	Hirose-cho 141-1-1	屋内	Trong nhà	
	池ノ上町		IKENOKAMI-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	池ノ上勤労者スポーツセンター	Trung tâm thể thao Ikenokami Kinrousha Supootsu Sentaa	池ノ上町31-18-3	Ikenokami-cho 31-18-3	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	広瀬ひばりが丘	HIROSE HIBARIGAOKA		風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	ひばりが丘公民館	Hội trường công cộng Hibarigaoka Koominkan	広瀬ひばりが丘	Hirose Hibarigaoka	屋内	Trong nhà	
				地震時	Động đất	ひばりが丘第2公園	Công viên Hibarigaoka Dai-ni (2) Koon	広瀬ひばりが丘	Hirose Hibarigaoka	屋外	Ngoài trời	
	向が丘町	MUKOGAOKA-CHO		地震時	Động đất	向が丘公園	Công viên Mukogaoka Koon	向が丘町	Mukogaoka-cho	屋外	Ngoài trời	
				風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	向が丘町ふれあい会館	Trung tâm cộng đồng Mukogaoka-cho Fureai Kaikan	向が丘町802	Mukogaoka-cho 802	屋内	Trong nhà	
				全災害時	Mọi thiên tai	向が丘町中央避難所	Nơi sơ tán Mukogaoka-cho Chuuo Hinanjo	向が丘町1209	Mukogaoka-cho1209	屋外	Ngoài trời	
	新小野町		SHIN KONO-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	新小野町公民館	Hội trường công cộng Shinkono-cho Koominkan	広瀬町117-1-34	Hirose-cho 117-1-34	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
坂口 SAKAGUCHI	湯谷町		YUYA-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	湯谷町ふれあい会館	Hội trường Yuya-cho Fureai Kaikan	湯谷町29-8-1	Yuya-cho 29-8-1	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	中山町	NAKAYAMA-CHO	風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	八幡神社	Đền Hachiman-jinja	中山町76	Nakayama-cho 76	屋内	Trong nhà		
			地震時	Động đất	中山町構造改善センター	Trung tâm Nakayama-cho Koozoo Kaizen Sentaa	中山町59-16	Nakayama-cho 59-16	屋外	Ngoài trời		
	下別所町		SHIMO BESHYO-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	坂口小学校	Trường tiểu học Sakaguchi Shoogakkoo	湯谷町24-25	Yuya-cho 24-25	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	勾当原町		KOTOGAHARA-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	坂口公民館	Hội trường công cộng Sakaguchi Koominkan	湯谷町24-18-1	Yuya-cho 24-18-1	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	中津原町	NAKATSUHARA-CHO	地震時	Động đất	中津原町公民館	Hội trường công cộng Nakatsuhara-cho Koominkan	中津原町73-31	Nakatsuhara-cho 73-31	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời		
			風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	中津原町宇前田	Nakatsuhara-cho Aza-maeda	中津原町地係	Nakatsuhara-cho Chigakari	屋外	Ngoài trời		
	下中津原町		SHIMONAKATSUHARA-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	下中津原構造改善センター	Trung tâm Shimonakatsuhara Koozookaizen Sentaa	下中津原町54-13	Shimonakatsuhara-cho 54-13	屋内	Trong nhà

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

地区Khu vực	広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng			災害区分Khu vực thiên tai		住所Địa chỉ		電話番号Số điện thoại
神山KAMIYAMA	神山小学校	Trường tiểu học Kamiyama Shoogakkoo		全災害	Mọi thiên tai	越前市広瀬町102-43	Hirose-cho 102-43	0778-22-1104
坂口SAKAGUCHI	坂口小学校	Trường tiểu học Sakaguchi Shoogakkoo		全災害	Mọi thiên tai	越前市湯谷町24-25	Yuya-cho 24-25	0778-28-1808

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

【一次避難場所（Bia điểm lánh nạn tạm thời）】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đối, vv	災害区分 Khu vực thiên tai	一次避難場所 Tên địa điểm lánh nạn tạm thời	避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời	避難場所の所在地 Địa chỉ nơi sơ tán	建物 Nhà	状況 Tình trạng
本保町		HONBO-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	本保町生活改善センター	Trung tâm Honbo-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	本保町地保	Honbo-cho Chigakari	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời
片屋町		KATAYA-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	片屋町生活改善センター	Trung tâm Kataya-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	片屋町17-23	Kataya-cho 17-23	屋内 Trong nhà
水坂町		HISAKA-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	水坂町生活改善センター	Trung tâm Hisaka-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	水坂町47-17	Hisaka-cho 47-17	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	ファミールほの駅前駐車場	Bãi đậu xe trước một cửa hàng Famiru Honoka (nhà đường lộ)	水坂町46-41-2	Hisaka-cho 46-41-2	屋外 Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	吉野小学校グラウンド	Sân trường của trường tiểu học Yoshino Shooagakkoo Guraundo	本保町17-1	Honbo-cho 17-1	屋外 Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	吉野体育館	Phòng tập thể dục Yoshino Taikukan	本保町17-1	Honbo-cho 17-1	屋内 Trong nhà
				地震時 Động đất	芝生広場	Quảng trường Shibafu Hiroba	水坂町12字	Hisaka-cho 12	屋外 Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	余田町公民館	Hội trường công cộng Haguri-cho Koominkan	余田町34-7	Haguri-cho 34-7	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời
余田町	1～7班	HAGURI-CHO	Nhóm đối 1～7	全災害時 Mọi thiên tai	吉野小学校グラウンド	Sân trường của trường tiểu học Yoshino Shooagakkoo Guraundo	本保町17-1	Honbo-cho 17-1	屋外 Ngoài trời
	8班		Nhóm đối 8	全災害時 Mọi thiên tai	吉野体育館	Phòng tập thể dục Yoshino Taikukan	本保町17-1	Honbo-cho 17-1	屋内 Trong nhà
	9班		Nhóm đối 9	全災害時 Mọi thiên tai	福井県丹南運転者教育センター駐車場	Bãi đậu xe trung tâm Fukui-Ken Tan-nan Untensha Kyooku Sentaa (Cửa sơ dạy lái xe)	余田町2-1-1	Haguri-cho 2-1-1	屋外 Ngoài trời
家久町	松久保	MATSUKUBO	風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	コミュニティセンター柳荘	Trung tâm cộng đồng Yanagisoo	家久町105-10-2	Iehisa-cho 105-10-2	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	高家下周辺（一時避難場所）	Xung quanh gần cầu vượt（Địa điểm sơ tán tạm thời）	家久町100、98の間	Giữa Iehisa-cho 100 và 98	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	柳原公園	Công viên Yanagihara (Sân vận động)	家久町105-14	Iehisa-cho 105-14	屋外 Ngoài trời	
	湯の口	YUNOKUCHI	風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	コミュニティセンター柳荘	Trung tâm cộng đồng Yanagisoo	家久町105-10-2	Iehisa-cho 105-10-2	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	高家下周辺（一時避難場所）	Xung quanh gần cầu vượt（Địa điểm sơ tán tạm thời）	家久町111-2-9	Iehisa-cho 111-2-9	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	柳原公園	Công viên Yanagihara (Sân vận động)	家久町105-14	Iehisa-cho 105-14	屋外 Ngoài trời	
	柳原	YANAGIHARA	風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	コミュニティセンター柳荘	Trung tâm cộng đồng Yanagisoo	家久町105-10-2	Iehisa-cho 105-10-2	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	柳荘 別館（一時避難場所）	Yanagisoo Annex (Địa điểm sơ tán tạm thời)	家久町105-23	Iehisa-cho 105-23	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	柳原公園	Công viên Yanagihara (Sân vận động)	家久町105-14	Iehisa-cho 105-14	屋外 Ngoài trời	
	三ツ屋	MITSUYA	風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	コミュニティセンター柳荘	Trung tâm cộng đồng Yanagisoo	家久町105-10-2	Iehisa-cho 105-10-2	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	家久農村婦人の家駐車場	Bãi đậu xe hội trường Iehisa Noosoon Fujin-no-ie (Địa điểm sơ tán tạm thời)	家久町78-56-12	Iehisa-cho 78-56-12	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	柳原公園	Công viên Yanagihara (Sân vận động)	家久町105-14	Iehisa-cho 105-14	屋外 Ngoài trời	
	石ノ塔	ISHINOTO	風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	コミュニティセンター柳荘	Trung tâm cộng đồng Yanagisoo	家久町105-10-2	Iehisa-cho 105-10-2	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	石の塔公園（一時避難場所）	Công viên Ishimoto（Địa điểm sơ tán tạm thời）	家久町82-1	Iehisa-cho 82-1	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	柳原公園	Công viên Yanagihara (Sân vận động)	家久町105-14	Iehisa-cho 105-14	屋外 Ngoài trời	
	深町	FUKAMACHI	風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	コミュニティセンター柳荘	Trung tâm cộng đồng Yanagisoo	家久町105-10-2	Iehisa-cho 105-10-2	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	いろりや折々（一時避難場所）	Iroriyaori (Địa điểm sơ tán tạm thời)	家久町103-17-7	Iehisa-cho 103-17-7	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	柳原公園	Công viên Yanagihara (Sân vận động)	家久町105-14	Iehisa-cho 105-14	屋外 Ngoài trời	
	市窪	IEHISA-CHO	風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	吉野小学校	Trường tiểu học Yoshino	本保町17-1	Honbo-cho 17-1	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	(株)紙一 駐車場（一時避難場所）	Kamichi Ltd. (Địa điểm sơ tán tạm thời)	家久町93-1-11	Iehisa-cho 93-1-11	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	武生商工高校グラウンド	Sân thể thao của Trường Trung học Thương mại và Công nghiệp Takefu	家久町24	Iehisa-cho 24	屋外 Ngoài trời	
	市営住宅	SHIEI JYUTAKU	風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	吉野小学校	Trường tiểu học Yoshino	本保町17-1	Honbo-cho 17-1	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	市営住宅内公園（一時避難場所）	Công viên Shiei Jyutaku (Địa điểm sơ tán tạm thời)	家久町803	Iehisa-cho 803	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	武生商工高校グラウンド	Sân thể thao của Trường Trung học Thương mại và Công nghiệp Takefu	家久町24	Iehisa-cho 24	屋外 Ngoài trời	
	東出	HIGASHIDE	風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	吉野小学校	Trường tiểu học Yoshino	本保町17-1	Honbo-cho 17-1	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	家久公民館駐車場（一時避難場所）	Bãi đậu xe Hội trường công cộng Iehisa-cho Koominkan (Địa điểm sơ tán tạm thời)	家久町803	Iehisa-cho 803	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	武生商工高校グラウンド	Sân thể thao của Trường Trung học Thương mại và Công nghiệp Takefu	家久町24	Iehisa-cho 24	屋外 Ngoài trời	
	上出	KAMIDE	風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	吉野小学校	Trường tiểu học Yoshino	本保町17-1	Honbo-cho 17-1	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	家久南部公園（一時避難場所）	Công viên Iehisa Nanbu (Địa điểm sơ tán tạm thời)	家久町1001	Iehisa-cho 1001	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	武生商工高校グラウンド	Sân thể thao của Trường Trung học Thương mại và Công nghiệp Takefu	家久町24	Iehisa-cho 24	屋外 Ngoài trời	
	船岡	FUNAOKA	風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	吉野小学校	Trường tiểu học Yoshino	本保町17-1	Honbo-cho 17-1	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	丹南きらめき駐車場（一時避難場所）	Bãi đậu xe Tan-nan Kirameki (Địa điểm sơ tán tạm thời)	家久町49	Iehisa-cho 49	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	武生商工高校グラウンド	Sân thể thao của Trường Trung học Thương mại và Công nghiệp Takefu	家久町24	Iehisa-cho 24	屋外 Ngoài trời	
	聖ヶ花	SEIGAHANA	風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	吉野小学校	Trường tiểu học Yoshino	本保町17-1	Honbo-cho 17-1	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	家久公園（一時避難場所）	Công viên Iehisa (Địa điểm sơ tán tạm thời)	家久町2丁目	Iehisa-cho 2Chome	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	武生商工高校グラウンド	Sân thể thao của Trường Trung học Thương mại và Công nghiệp Takefu	家久町24	Iehisa-cho 24	屋外 Ngoài trời	
芝原一丁目		SHIBAHARA 1 CHOME	地震時 Động đất	芝原第一公園	Công viên Shibahara Dai-ichi Koonen	芝原一丁目	Shibahara 1 chome	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	芝原第二公園	Công viên Shibahara Dai-ni Koonen	芝原一丁目	Shibahara 1 chome	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	吉野瀬川堤防	Đê sông Yoshinose-gawa	芝原一丁目	Shibahara 1 chome	屋外 Ngoài trời	
芝原二丁目		SHIBAHARA 2 CHOME	風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	芝原芝原公民館	Hội trường công cộng Minamishibahara Koominkan	芝原一丁目	Shibahara 1 chome	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	芝原ふれあい会館	Hội trường Shibahara Fureai Kaikan	芝原五丁目16-5	Shibahara 5 chome 16-5	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	川崎電気店駐車場	Bãi đậu xe Kawabata Denkiten (Cửa hàng điện tử)	芝原二丁目	Shibahara 2 chome	屋外 Ngoài trời	
芝原三丁目		SHIBAHARA 3CHOME	全災害時 Mọi thiên tai	芝原三丁目ふれあい会館	Hội trường Shibahara San-chome Fureai Kaikan	芝原三丁目125	Shibahara 3 chome 125	屋内 Trong nhà	
			風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	芝原ふれあい会館	Hội trường Shibahara Fureai Kaikan	芝原五丁目16-5	Shibahara 5 chome 16-5	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	ハーツウイング職員駐車場	Bãi đậu xe Haatsu-uingu Shokuin Chuushajoo	芝原四丁目4	Shibahara 4 chome 4	屋外 Ngoài trời	
芝原四丁目		SHIBAHARA 4CHOME	地震時 Động đất	ひかり幼稚園	Trường mẫu giáo Hikari Yoochien	芝原四丁目1-30	Shibahara 4 chome 1-30	屋外 Ngoài trời	
			風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	芝原ふれあい会館	Hội trường Shibahara Fureai Kaikan	芝原五丁目16-5	Shibahara 5 chome 16-5	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	公園（グリーンタウン芝原北）	Công viên（Gurintaan Shibahara bắc）	芝原五丁目4-2-35	Shibahara 5 chome4-2-35	屋外 Ngoài trời	
芝原五丁目	共通 A1～4班 A5、6班 C3～5班、E1班 B1～3、5、6班 C1、2班 E4、5班 D1～6班 E2、3班 B4班	SHIBAHARA 5 CHOME	地震時 Động đất	公園（武生ウヰング東側）	Công viên（Takefusajingoo phía đông）	芝原五丁目11-34	Shibahara 5 chome11-34	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	武生芝原公園（ゲートボール場）奥側	Phía đông công viên Takefu Shibahara Koonen (sân cổng bóng)	芝原五丁目908	Shibahara 5 chome 908	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	武生芝原公園（ゲートボール場）西側	Phía tây công viên Takefu Shibahara Koonen (sân cổng bóng)			屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	公園（グリーンタウン芝原）	Công viên（Gurintaan Shibahara）	芝原五丁目11-8-6	Shibahara 5 chome11-8-6	屋外 Ngoài trời	
			地震時 Động đất	公園（ニュータウン芝原）	Công viên（Nyutaan Shibahara）	芝原五丁目15-2-15	Shibahara 5 chome15-2-15	屋外 Ngoài trời	
【広域避難場所（Khu vực sơ tán diện rộng）】									
広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng				災害区分 Khu vực thiên tai	住所 Địa chỉ	電話番号 Số điện thoại			
吉野小学校		Trường tiểu học Yoshino Shooagakkoo	全災害 Mọi thiên tai	本保町17-1	Honbo-cho 17-1	0778-22-0192			
コミュニティセンター柳荘		Trung tâm cộng đồng Yanagisoo	全災害 Mọi thiên tai	家久町105-10-1	Iehisa-cho 105-10-1	0778-23-3436			
丹南総合公園体育館		Nhà thi đấu công viên tổng hợp Tanna	全災害 Mọi thiên tai	余田町50-4-1	Haguri-cho 50-4-1	0778-42-6780			

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn！

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

国高地区Khu vực KUNITAKA

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời 】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đội,... vv	災害区分Khu vực thiên tai	一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời		避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán		屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời		
村国一丁目		MURAKUNI 1 CHOME		全災害時	Mọi thiên tai	武生第三中学校	Trường trung học Takefu Dai-san Chuugakkoo	村国二丁目3-56	Murakuni 2 chome 3-56	屋外	Ngoài trời
村国二丁目		MURAKUNI 2 CHOME		全災害時	Mọi thiên tai	武生第三中学校グラウンド	Sân trường của Trường trung học Takefu Dai-san Chuugakkoo Guraundo	村国二丁目3-56	Murakuni 2 chome 3-56	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	武生第三中学校体育館	Phòng tập thể dục Trường trung học Takefu Dai-san Chuugakkoo Taiikukan	村国二丁目3-56	Murakuni 2 chome 3-56	屋内	Trong nhà
村国三丁目		MURAKUNI 3 CHOME		地震時	Động đất	村国公園	Công viên Murakuni Kooen	村国三丁目22-1	Murakuni 3 chome 22-1	屋外	Ngoài trời
村国四丁目		MURAKUNI 4 CHOME		全災害時	Mọi thiên tai	国高小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Kunitaka Shoogakkoo Taiikukan	国高1丁目15-5	Kunitaka 1 chome 15-5	屋内	Trong nhà
八幡一丁目		HACHIMAN 1 CHOME		全災害時	Mọi thiên tai	八幡公園・会館	Công viên Hachiman Kooen / Hội trường Hachiman Kaikan	八幡一丁目	Hachiman 1 chome	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	県立武生高等学校	Trường trung học Takefu Kookoo	八幡一丁目	Hachiman 1 chome	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
八幡二丁目		HACHIMAN2 CHOME		全災害時	Mọi thiên tai	八幡会館	Hội trường Hachiman Kaikan	八幡一丁目	Hachiman 1 chome	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	八幡二丁目公園	Công viên Hachiman Ni-choome Kooen	八幡二丁目	Hachiman 1 chome	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	県立武生高等学校	Trường trung học Takefu Kookoo	八幡一丁目	Hachiman 1 chome	屋内	Trong nhà
押田一・二丁目		OSHIDA 1・2 CHOME		全災害時	Mọi thiên tai	アスピカホール国高	Asupika Hooru Kunitaka (nơi chôn cất)	押田二丁目1-15	Oshida 2 chome 1-15	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
国高一丁目		KUNITAKA 1 CHOME		全災害時	Mọi thiên tai	国高さくら公園	Công viên Kunitaka Sakura Kooen	国高一丁目8-1	Kunitaka 1 chome 8-1	屋外	Ngoài trời
国高二丁目		KUNITAKA 2 CHOME		地震時	Động đất	国高公園	Công viên Kunitaka Kooen	国高二丁目	Kunitaka 2 chome		
				風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	日吉神社	Đền Hiyyoshi	横市町1-10	Yokoichi-cho 1-10		
国高三丁目		KUNITAKA 3 CHOME		風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	国高小学校	Trường tiểu học Kunitaka Shoogakkoo	国高一丁目15-5	Kunitaka 1 chome 15-5	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	雇用促進住宅駐車場	Bãi đậu xe của Koyoosokushin Jyutaku (khu dân cư)	国高三丁目14-6-1	Kunitaka 3 chome 14-6-1	屋外	Ngoài trời
横市町		YOKOICHI-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	横市町集落センター	Trung tâm cộng đồng Yokoichi-cho Shuuraku Sentaa	横市町33-35-4	Yokoichi-cho 33-35-4	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
庄町		SHOU-CHO		風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	庄町公民館	Hội trường công cộng Shou-cho Koominkan	庄町32-3	Shou-cho 32-3	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	瀧雅駐車場	Bãi đậu xe Nhà hàng Takimasa	庄町43-2	Shou-cho 43-2	屋外	Ngoài trời
塚町		TSUKA-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	塚町会館	Hội trường Tsuka-cho Kaikan	塚町50-58	Tsuka-cho 50-58	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
馬上免町		BAJYOME-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	八幡神社境内	Đền Hachiman-jinjo	馬上免町	Bajome-cho	屋外	Ngoài trời
稲寄町		INAYOSE-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	八幡神社	Đền Hachiman-jinja	稲寄町	Inayose-cho	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	稲寄町公民館	Hội trường công cộng Inayose-cho Koominkan	稲寄町9-3	Inayose-cho 9-3	屋内	Trong nhà
瓜生町		URYU-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	国高労働福祉センター	Trung tâm Kunitaka Roodoo Fukushi Sentaa	瓜生町38-8	Uryu-cho 38-8	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	国高ふれあいセンター	Trung tâm Kunitaka Fureai Sentaa	瓜生町38-5	Uryu-cho 38-5	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
高木町		TAKAGI-CHO		風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	高木町公民館	Hội trường công cộng Takagi-cho Koominkan	高木町36-1	Takagi-cho 36-1	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	高木町泓運動公園	Công viên Takagi-cho Fuke Undookooen	高木町	Takagi-cho	屋外	Ngoài trời
長土呂町		NAGATORO-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	長土呂公園	Công viên Nagatoro Kooen	長土呂町3-1-19	Nagatoro-cho 3-1-19	屋外	Ngoài trời

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng		災害区分Khu vực thiên tai		住所Địa chỉ		電話番号Số điện thoại
国高小学校	Trường tiểu học Kunitaka Shoogakkoo	全災害	Mọi thiên tai	国高一丁目15-5	Kunitaka 1 Chome 15-5	0778-22-1045
武生第三中学校	Trường trung học Takefu Dai-san Chuugakkoo	地震時	Động đất	村国二丁目3-56	Murakuni 2 Chome 3-56	0778-23-1433
瓜生水と緑公園体育館	Nhà thi đấu Uryu Mizu và Midori Park	全災害	Mọi thiên tai	瓜生町19-7-1	Uryu-cho 19-7-1	0778-24-3712

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

大虫地区Khu vực OOMUSHI

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời 】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đội,... vv	災害区分	Khu vực thiên tai	一次避難場所名称	Địa điểm lánh nạn tạm thời	避難場所の所在地	Địa chỉ nơi sơ tán	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
大虫町		OMUSHI-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	大虫神社境内	Đền Oomushi-jinja	大虫町21-28	Omushi-cho 21-28	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	大虫町生活改善センター駐車場	Bãi đậu xe Trung tâm Oomushi-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	大虫町19-8-1	Omushi-cho 19-8-1	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	光福寺駐車場	Bãi đậu xe chùa Koofuku-ji	大虫町78-1-1	Omushi-cho 78-1-1	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	公園(フレッシュ大虫団地)	Công viên (Khu dân cư Furesshu Oomushi Danchi)	大虫町4-9-6	Omushi-cho 4-9-6	屋外	Ngoài trời
大虫本町		OMUSHIHON-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	大虫本町生活改善センター	Trung tâm Oomushihon-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	大虫本町6-25	Omushihon-cho 6-25	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
上四目町		KAMISHIME-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	上四目町ふれあい会館	Hội trường Kamishime-cho Fureai Kaikan	上四目町6-4-2	Kamishime-cho 6-4-2	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
下四目町	1～6班	SHIMOSHIME-CHO	Nhóm đội 1 ～6	地震時	Động đất	下四目町公民館	Hội trường công cộng Shimoshime-cho Koominkan	下四目町6-1	Shimoshime-cho 6-1	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	7～10班		Nhóm đội 7 ～10	地震時	Động đất	8・9班公園	Công viên Hachi-kyuu (8・9) -han Kooen	下四目町9-8-4・9-9-18	Shimoshime-cho 9-8-4・9-9-18	屋外	Ngoài trời
高森町	本村1～3班	TAKAMORI-CHO	Nhóm đội Motomura 1,2,3	全災害時	Mọi thiên tai	大虫小学校グラウンド	Sân trường của trường tiểu học Omushi Shoogakkoo Guraundo	高森町14-15	Takamori-cho 14-15	屋外	Ngoài trời
	本村4班、陣屋1・2班		Nhóm đội	全災害時	Mọi thiên tai	陣屋第一公園	Công viên Jinya Dai-ichi Kooen	高森町12-1	Takamori-cho 12-1	屋外	Ngoài trời
	陣屋3、4班		Nhóm đội Jinya 3, 4	全災害時	Mọi thiên tai	陣屋第二公園	Công viên Jinya Dai-ni Kooen	高森町7-1	Takamori-cho 7-1	屋外	Ngoài trời
	西部台1、2班		Nhóm đội Seibudai 1, 2	全災害時	Mọi thiên tai	西部台公園	Công viên Seibudai Kooen	高森町10-1	Takamori-cho 10-1	屋外	Ngoài trời
	西部NT1、2班		Nhóm đội Seibu Nyuutaun 1, 2	全災害時	Mọi thiên tai	西部ニュータウン公園	Công viên Seibu Nyuutaun Kooen	高森町4-3-8	Takamori-cho 4-3-8	屋外	Ngoài trời
丹生郷町	1、2班	NYUNOGO-CHO	Nhóm đội 1, 2	地震時	Động đất	丹生郷町生活改善センター	Trung tâm Nyuunogoo Seikatsu Kaizen Sentaa	丹生郷町10-12-2	Nyunogo-cho 10-12-2	屋外	Ngoài trời
	3、5、6、7、8班		Nhóm đội 6	地震時	Động đất	大虫小学校グラウンド(大虫公民館前)	Sân trường của trường tiểu học Omushi Shoogakkoo Guraundo (Trước hội trường công cộng Omushi)	高森町14-15	Takamori-cho 14-15	屋外	Ngoài trời
三ツ俣町		MITSUMATA-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	三ツ俣町ふれあい会館	Hội trường Mitsumata-cho Fureai Kaikan	三ツ俣町17	Mitsumata-cho 17	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
横根町		YOKONE-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	小規模多機能ホームかのん	Nhà đa năng quy mô nhỏ Kanon	横根町12-4-1	Yokone-cho 12-4-1	屋内	Trong nhà
				全災害時	Mọi thiên tai	グループホームらいふ	nhà tập thể Life	横根町12-4-1	Yokone-cho 12-4-1	屋内	Trong nhà
				全災害時	Mọi thiên tai	レッツ訪問介護ステーション	Let's Thăm trạm điều dưỡng	横根町12-4-1	Yokone-cho 12-4-1	屋内	Trong nhà
				全災害時	Mọi thiên tai	レッツサービス付き高齢者向け住宅	Let's Nhà ở cho người cao tuổi có dịch vụ	横根町10-7	Yokone-cho 10-7	屋内	Trong nhà
				全災害時	Mọi thiên tai	北山町集落センター	Trung tâm Kitayama-cho Shuuraku Sentaa	北山町17-24-1	Kitayama-cho 17-24-1	屋内	Trong nhà
北山町		KITAYAMA-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	式部台公園(北山公園)	Công viên Shikibudai Kooen (Công viên Kitayama Kooen)	北山町43-1-32	Kitayama-cho 43-1-32	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai						
上太田町		KAMIOODA-CHO		風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	上太田町ふれあい会館	Hội trường Kamiooda-cho Fureai Kaikan	上太田町29-3-2	Kamiooda-cho 29-3-2	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	丹南土木事務所駐車場	Bãi đậu xe Tan-nan Dobokujimusho	上太田町42字1	Kamiooda-cho 42 Aza 1	屋外	Ngoài trời
下太田町	2～10班	SHIMOODA-CHO	Nhóm đội 2～10	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	大虫小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Oomushi Shoogakkoo Taiikukan	高森町14-15	Takamori-cho 14-15	屋内	Trong nhà
	1班		Nhóm đội 1	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	武生第一中学校体育館	Phòng tập thể dục Trường trung học Takefu Dai-ichi Chuugakkoo Taiikukan	平出一丁目6-1	Hiraide 1-chome 6-1	屋内	Trong nhà
	2～10班		Nhóm đội 2～10	地震時	Động đất	日吉神社境内	Đền Hiyoishi-jinja	下太田町	Shimooda-cho	屋外	Ngoài trời
	1班		Nhóm đội 1	地震時	Động đất	アスピカホール駐車場	Bãi đậu xe Asupika Hooru (Nhà tang lễ)	新保町30-43	Shimbo-cho 30-43	屋外	Ngoài trời
新保町 新保一丁目 新保二丁目	1～6班	SHINBO-CHO, SHINBO 1 CHOME, SHINBO 2 CHOME	Nhóm đội 1 ～6	全災害時	Mọi thiên tai	アスピカホール駐車場	Bãi đậu xe Asupika Hooru (Nhà tang lễ)	新保町30-35-2	Shinbo-cho 30-35-2	屋外	Ngoài trời
	7～9班		Nhóm đội 7～9	全災害時	Mọi thiên tai	創価学会武生文化会館駐車場	Bãi đậu xe hội trường Sookagakkai Takefu Bunkakaikan	新保町一丁目1-1	Shinbo 1 chome 1-1	屋外	Ngoài trời
	10、11班		Nhóm đội 10, 11	全災害時	Mọi thiên tai	ゲンキー駐車場	Bãi đậu xe Genky	新保町4-10-1	Shinbo-cho 4-10-1	屋外	Ngoài trời
大虫本町勝蓮花		OMUSHIHON-CHO SHORENGE		全災害時	Mọi thiên tai	勝蓮花和満会館	Hội trường Shoorenge Nagomi Kaikan	大虫本町2-8-22	Omushihon-cho 2-8-22	屋外	Ngoài trời

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng		災害区分	Khu vực thiên tai	住所	Địa chỉ	電話番号	Số điện thoại
大虫小学校	Trường tiểu học Oomushi Shoogakkoo	全災害	Mọi thiên tai	高森町14-15	Takamori-cho 14-15	0778-22-1109	

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

王子保地区Khu vực OOSHIO

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời 】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đội,... vv	災害区分Khu vực thiên tai		一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời		避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán		屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời		
四郎丸町	1～3、30班	SHIROMARU-CHO	Nhóm đội 1-3,30	地震時	Động đất	ゲンキー王子保店	Genky chi nhánh Ooshio-ten	四郎丸町48字18-1	Shiromaru-cho 48-18-1	屋外	Ngoài trời	
	4～8班		Nhóm đội 4-8	地震時	Động đất	四郎丸町会館	Hội trường Shiroomaru-cho Kaikan	四郎丸町41-7-2	Shiromaru-cho 41-7-2	屋外	Ngoài trời	
	9、10班		Nhóm đội 9,10	地震時	Động đất	王子保公民館	Hội trường công cộng Ooshio Koominkan	四郎丸町65-2-1	Shiromaru-cho 65-2-1	屋外	Ngoài trời	
	11～14班		Nhóm đội 11-14	地震時	Động đất	ビッグベリー王子保店	Big Belly (siêu thị thực phẩm) chi nhánh Ooshio-ten	四郎丸町64-16	Shiromaru-cho 64-16	屋外	Ngoài trời	
	15-1、16、17班		Nhóm đội 15-1,16,17	地震時	Động đất	児童会館	Hội trường Jidoo Kaikan	四郎丸町55-4-4	Shiromaru-cho 55-4-4	屋外	Ngoài trời	
	15-2、16-2、18～29-2班		Nhóm đội 15-2, 18-29-2	地震時	Động đất	武生第六中学校	Trường trung học Takefu Dai-roku Chuugakkoo	四郎丸町16-1	Shiromaru-cho 16-1	屋外	Ngoài trời	
塚原町		TSUKAHARA-CHO		風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	塚原町生活改善センター	Trung tâm Tsukahara-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	塚原町17-3	Tsukahara-cho 17-3	屋内	Trong nhà	
				地震時	Động đất	武生第六中学校グラウンド	Sân trường của trường trung học Takefu Dai-roku Chuugakkoo Guraundo	四郎丸町16-1	Shiromaru-cho 16-1	屋外	Ngoài trời	
白崎町		SHIROSAKI-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	白崎町生活改善センター	Trung tâm Shiroasaki-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	白崎町32-24	Shirosaki-cho 32-24	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
				地震時	Động đất	坂口氏宅前駐車場	Bãi đậu xe trước nhà Sakaguchi	白崎町29-1	Shirosaki-cho 29-1	屋外	Ngoài trời	
春日野町	1班	KASUGANO-CHO	Nhóm đội 1	全災害時	Mọi thiên tai	万所氏宅	Nhà của ông Mandokoro	春日野町80-24-1	Kasugano-cho 80-24-1	屋外	Ngoài trời	
	2班		Nhóm đội 2	全災害時	Mọi thiên tai	八幡神社跡地	Di tích đền thờ thần Hachiman-jinja	春日野町132-2	Kasugano-cho 132-2	屋外	Ngoài trời	
	3班		Nhóm đội 3	全災害時	Mọi thiên tai	春日野公民館	Hội trường công cộng Kasugano Koominkan	春日野町51-12	Kasugano-cho 51-12	屋外	Ngoài trời	
	4、6班		Nhóm đội 4,6	全災害時	Mọi thiên tai	盛景寺	Chùa Jyokei-ji	春日野町18-15	Kasugano-cho 18-15	屋外	Ngoài trời	
	5班		Nhóm đội 5	全災害時	Mọi thiên tai	春日野神社境内	Đền Kasugano-jinja	春日野町31-8	Kasugano-cho 31-8	屋外	Ngoài trời	
	5班		Nhóm đội 5	全災害時	Mọi thiên tai	ダイエイ駐車場	Bãi đậu xe Daiei	春日野町	Kasugano-cho	屋外	Ngoài trời	
今宿町		IMAJUKU-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	今宿町集落センター	Trung tâm Imajuku-cho Shuuraku Sentaa	今宿町13-18	Imajuku-cho 13-18	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
国兼町		KUNIKANE-CHO			風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	国兼町生活改善センター	Trung tâm Kunikane-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	国兼町23	Kunikane-cho 23	屋内	Trong nhà
					地震時	Động đất	交差点付近	Gần ngã tư	国兼町地係	Kunikane-cho Chigakari	屋外	Ngoài trời
大塩町	1～7班	OSHIO-CHO	Nhóm đội 1-7	全災害時	Mọi thiên tai	大塩町コミュニティセンター	Trung tâm Ooshio-cho Komyuniti Sentaa	大塩町20-1-1	Oshio-cho 20-1-1	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
	8班		Nhóm đội 8	全災害時	Mọi thiên tai	ニューイングランドかみかわ	Nyuu-ingurando Kamikawa (Cửa hàng điện Panasonic)	大塩町4-16	Oshio-cho 4-16	屋外	Ngoài trời	
	9班		Nhóm đội 9	全災害時	Mọi thiên tai	武生第六中学校グラウンド	Sân trường của trường trung học Takefu Dai-roku Chuugakkoo Guraundo	四郎丸町16-1	Shiromaru-cho 16-1	屋外	Ngoài trời	
上小松町		KAMI KOMATSU-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	上小松公園	Công viên Kamikomatsu Kooen	上小松町	Kami Komatsu-cho	屋外	Ngoài trời
森久町		MORIHISA-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	林久寺	Chùa Rinkyuu-ji	森久町17-13	Morihisa-cho 17-13	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
瓜生野町		URYUNO-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	バス旋回場	Khu vực quay xe buýt (Basu Senkaijoo)	瓜生野町19	Uryuno-cho 19	屋外	Ngoài trời
中平吹町		NAKAHIRABUKI-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	日野神社境内	Đền Hino-jinja	中平吹町80-1-1	Nakahirabuki-cho 80-1-1	屋外	Ngoài trời	
				全災害時	Mọi thiên tai	生活改善センター	Trung tâm Seikatsu Kaizen Sentaa	中平吹町82-102	Nakahirabuki-cho 82-102	屋外	Ngoài trời	
				全災害時	Mọi thiên tai	10班公園	Công viên Juppan (nhóm đội 10) Kooen	中平吹町14-43	Nakahirabuki-cho 14-43	屋外	Ngoài trời	
				全災害時	Mọi thiên tai	11班公園	Công viên Juuichippan (nhóm đội 11) Kooen	中平吹町43-20	Nakahirabuki-cho 43-20	屋外	Ngoài trời	
				全災害時	Mọi thiên tai	12班公園	Công viên Juunihan (nhóm đội 12) Kooen	中平吹町19-26	Nakahirabuki-cho 19-26	屋外	Ngoài trời	
				全災害時	Mọi thiên tai	下平吹町公園	Công viên Shimohirabuki-cho Kooen	下平吹町	Shimohirabuki-cho	屋外	Ngoài trời	
下平吹町		SHIMOHIRABUKI-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	下平吹町生活改善センター	Trung tâm Shimohirabuki-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	下平吹町21-39	Shimohirabuki-cho 21-39	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
				全災害時	Mọi thiên tai	下平吹町生活改善センター	Trung tâm Shimohirabuki-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	下平吹町21-39	Shimohirabuki-cho 21-39	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
富士見が丘一・二丁目		FUJIMIGAOKA 1,2 CHOME			全災害時	Mọi thiên tai	ゲンキー王子保店駐車場	Bãi đậu xe Genky chi nhánh Ooshio-ten	四郎丸町48字18-1	Shiromaru-cho 48 Aza18-1	屋外	Ngoài trời
向陽町		KOYO-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	向陽会館	Hội trường Kooyoo Kaikan	向陽町88	Koyo-cho 88	屋内	Trong nhà

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng		災害区分Khu vực thiên tai		住所Địa chỉ		電話番号Số điện thoại
王子保小学校	Trường tiểu học Ooshio Shooagakkoo	全災害	Mọi thiên tai	今宿町5-14	Imajuku-cho 5-14	0778-22-1293
武生第六中学校	Trường trung học Takefu Dai-roku Chuugakkoo	全災害	Mọi thiên tai	四郎丸町16-1	Shiromaru-cho 16-1	0778-22-1462

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn！

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

北日野地区Khu vực KITAHINO

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời 】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đội,... vv	災害区分Khu vực thiên tai		一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời		避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán		屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời	
矢放町	1～4班	YAHANASHI-CHO	Nhóm đội 1-4	全災害時	Mọi thiên tai	矢放町構造改善センター	Trung tâm Yahanashi-cho Koozo Kaizen Sentaa	矢放町10-3	Yahanashi-cho 10-3	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	南1、2班 西班		Nhóm đội Minami 1, 2	全災害時	Mọi thiên tai	柿谷商店駐車場	Bãi đậu xe Kakitani Shooten	矢放町7-9-5	Yahanashi-cho7-9-5	屋外	Ngoài trời
	東1、2班		Nhóm đội Higashi 1, 2	全災害時	Mọi thiên tai	北日野ミニ体育館駐車場	Bãi đậu xe Kitahino Mini Taiikukann (Phòng tập thể dục)	矢放町21-11	Yahanashi-cho21-11	屋外	Ngoài trời
帆山町	HOYAMA-CHO			地震時	Động đất	帆山公園	Công viên Hoyama Kooen	帆山町	Hoyama-cho	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	帆山農家高齢者創作館	Hội trường Hoyama Nooka Kooreisha Soosakukan	帆山町11-13-1	Hoyama-cho 11-13-1	屋内	Trong nhà
				全災害時	Mọi thiên tai	旧芦山荘	Hội trường Kyuu-Rozansoo	帆山町5-31-1	Hoyama-cho 5-31-1	屋内	Trong nhà
矢船町	YAFUNE-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	矢船町コミュニティセンター	Trung tâm cộng đồng Yafune-cho Komyuniti Sentaa	矢船町8-1	Yafune-cho 8-1	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
向新保町	MUKAISHINBO-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	向新保町生活改善センター	Trung tâm cộng đồng Mukaishinbo-cho Seikatu Kaizen Sentaa	向新保町30-22	Mukaishinbo-cho 30-22	屋外	Ngoài trời
畑町	HATA-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	畑町集落センター	Trung tâm Hata-cho Shuuraku Sentaa	畑町17	Hata-cho 17	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
小野谷町	ONODANI-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	小野谷町コミュニティセンター	Trung tâm Onodani-cho Komyuniti Sentaa	小野谷町33-32	Onodani-cho 33-32	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
西谷町	NISHITANI-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	西谷町公民館広場	Quảng trường hội trường công cộng Nishitani-cho Koominkan	西谷町16	Nishitani-cho 16	屋外	Ngoài trời
荒谷町	ARATANI-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	荒谷町公民館	Hội trường công cộng Aratani-cho Koominkan	荒谷町10	Aratani-cho 10	屋外	Ngoài trời
平林町	1～5班	HIRABAYASHI-CHO	Nhóm đội 1-5	全災害時	Mọi thiên tai	平林町公民館	Hội trường công cộng Hirabayashi-cho Koominkan	平林町13-5-5	Hirabayashi-cho 13-5-5	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	6班		Nhóm đội 6	全災害時	Mọi thiên tai	北日野小学校	Trường tiểu học Kitahino Shoogakkoo	小野谷町	Onodani-cho	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
庄田町	SHODEN-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	庄田町生活改善センター	Trung tâm Shoden-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	庄田町7-1	Shooden-cho 7-1	屋内	Trong nhà
大手町	OODE-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	大手町公民館	Hội trường công cộng Oode-cho Koominkan	大手町8	Oode-cho 8	屋外	Ngoài trời
西尾町	NISHIO-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	西尾町生活改善センター前広場	Quảng trường trước trung tâm Nishio-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	西尾町41-56	Nishio-cho 41-56	屋外	Ngoài trời
岩内町	IWAUCHI-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	岩内公民館前公園	Công viên trước hội trường công cộng Iwauchi Koominkan	岩内町18	Iwauchi-cho 18	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
大屋町	OOYA-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	大屋町公民館	Hội trường công cộng Ooya-cho Koominkan	大屋町28-1	Ooya-cho 28-1	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
葛岡町	KUZUOKA-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	葛岡町集会場	Hội trường Kuzuoka-cho Shuukaijo	葛岡町2	Kuzuoka-cho 2	屋内	Trong nhà
問屋町	TONYA-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	組合会館及び団地内各社屋	Hội trường Kumiai Kaikan và trong mỗi khu nhà ở	問屋団地内	Tonyadanchi-nai	屋外・屋内	Ngoài trời・Trong nhà
北日野住宅団地	KITAHINO JYUTAKU DANCHI			風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	市営住宅2号館南公園	Công viên tòa nhà thành phố số 2 Minami Kooen	矢放町12-9-3	Yahanashi-cho 12-9-3	屋外	Ngoài trời

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng		災害区分Khu vực thiên tai		住所Địa chỉ		電話番号Số điện thoại
北日野小学校	Trường tiểu học Kitahino Shoogakkoo	全災害	Mọi thiên tai	小野谷町2-2	Onodani-cho 2-2	0778-22-1095
万葉中学校	Trường trung học Man-yoo Chuugakkoo	全災害	Mọi thiên tai	西尾町48-18	Nishio-cho 48-18	0778-27-1258

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

北新庄地区Khu vực KITASHINJOO

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời 】

町名	班等	Tên Phường		Nhóm đội,... vv		災害区分Khu vực thiên tai		一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời		避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán		屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời	
北町		KITA-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	北新庄小学校	Trường tiểu học Kitashinjoo Shoogakkoo	北町47-6	Kita-cho 47-6	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
					全災害時	Mọi thiên tai	北町公民館	Hội trường công cộng Kita-cho Koominkan	北町43-28	Kita-cho 43-28	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
					全災害時	Mọi thiên tai	JA越前たけふ農協旧北新庄支店	JA Echizentakufu Nookyoo (hợp tác xã nông nghiệp) Kyuu Kitashinjoo-shiten	北町26-14	Kita-cho 26-14	屋外	Ngoài trời	
					全災害時	Mọi thiên tai	福井県立武生東高等学校	Trường trung học Takefu Higashi Kookoo	北町89-10	Kita-cho 89-10	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
					全災害時	Mọi thiên tai	北新庄公民館	Hội trường công cộng Kitashinjoo Koominkan	北町	Kita-cho	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
杉崎町		SUGISAKI-CHO			地震時	Động đất	杉崎町共同作業場広場	Quảng trường Sugisaki-cho Kyoodoo-sagyoojoo Hiroba	杉崎町9-19-1	Sugisaki-cho 9-19-1	屋外	Ngoài trời	
					風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	杉崎神社社務所前	Trước văn phòng điện thờ Sugisaki-jinja	杉崎町	Sugisaki-cho	屋外	Ngoài trời	
真柄町		MAKARA-CHO			地震時	Động đất	武生製麺駐車場	Bãi đậu xe Takefu Seimen	真柄町7-37	Makara-cho 7-37	屋外	Ngoài trời	
					地震時	Động đất	栗田産業前倉庫駐車場	Bãi đậu xe nhà kho Kurita Sangyo Mae	真柄町25-20	Makara-cho 25-20	屋外	Ngoài trời	
					風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	北新庄公民館 (原則: 自宅の二階以上へ避難)	Hội trường công cộng Kita-cho Koominkan (nguyên tắc : Sơ tán lên tầng hai hoặc cao hơn của ngôi nhà)	北町54-25	Kita-cho 54-25	屋内	Trong nhà	
					上記以外	Khác với những điều trên	真柄町生活改善センター (区避難所開設時のみ)	Trung tâm Makara-cho Seikatsu Kaizen Sentaa (Chỉ khi trung tâm sơ tán thường mở cửa)	真柄町16	Makara-cho 16	屋内	Trong nhà	
					戸谷町		TOTANI-CHO			風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	戸谷町公民館	Hội trường công cộng Totani-cho Koominkan
長尾町	1、2班 3、4班 1、2班 3、4班 1、2班 1、2、3、4班	NAGAO-CHO			地震時	Động đất	(株)テクニカフイ駐車場	Bãi đậu xe Tổng công ty Tekunika Fukui	戸谷町81-29	Totani-cho 81-29	屋外	Ngoài trời	
					風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	長尾町公民館	Hội trường công cộng Nagao-cho Koominkan	長尾町63-6	Nagao-cho 63-6	屋内	Trong nhà	
					風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	北新庄小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Kitashinjoo Shogakkoo Taiikukan	北町47-6	Kita-cho 47-6	屋内	Trong nhà	
					地震時	Động đất	ゲートボール場	Quảng trường Gateball (Geetobooru Joo)	長尾町	Nagao-cho	屋外	Ngoài trời	
					地震時	Động đất	4班公園	Công viên Yonpan (nhóm đội 4) Kooen	長尾町	Nagao-cho	屋外	Ngoài trời	
					地震時	Động đất	北新庄小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Kitashinjo Shogakkoo Taiikukan	北町47-6	Kita-cho 47-6	屋内	Trong nhà	
中新庄町		NAKASHINJO-CHO			全災害	Mọi thiên tai	テクニカフイ社屋	Bên trong nhà máy Tekunika Fukui	戸谷町87-1	Totani-cho 87-1	屋内	Trong nhà	
					風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	賀茂会館	Hội trường Kamo Kaikan	中新庄町58-26	Nakashinjoo-cho 58-26	屋内	Trong nhà	
					地震時	Động đất	賀茂会館前駐車場	Bãi đậu xe trước hội trường Kamo Kaikan	中新庄町58-26	Nakashinjoo-cho 58-26	屋外	Ngoài trời	
三ツ屋町		MITSUYA-CHO			全災害時	Mọi thiên tai	三ツ屋町公民館	Hội trường công cộng Mitsuya-cho Koominkan	三ツ屋町26	Mitsuya-cho 26	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng	災害区分Khu vực thiên tai	住所Địa chỉ	電話番号Số điện thoại
北新庄小学校 Shoogakkoo	全災害 Mọi thiên tai	北町47-6 Kita-cho 47-6	0778-22-1040

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

味真野地区Khu vực AJIMANO

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời 】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đội,...vv	災害区分Khu vực thiên tai	一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời	避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán	屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời	
入谷町		IRITANI-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	入谷町集落センター	入谷町5-26 Iritani-cho 5-26	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời	
中居町		NAKAI-CHO		風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	中居町ふれあい会館	中居町19-15 Nakai-cho 19-15	屋内 Trong nhà	
			地震時 Động đất	旧味真野小中居分校グラウンド	Sân trường trường tiểu học cũ Kyuu Ajimano Shoogakkoo Nakai Bunkoo Guraundo	中居町19-2 Nakai-cho 19-2	屋外 Ngoài trời	
養脇町		MINOWAKI-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	養脇ふれあい会館	養脇町12-43 Miniwaki-cho 12-43	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời	
			地震時 Động đất	鞍谷神社境内	Đền Kuratani-jinja	養脇町 Minowaki-cho	屋外 Ngoài trời	
桧尾谷町		HIODANI-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	桧尾谷町公民館	桧尾谷町6 Hiodani-cho 6	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời	
余川町		YOKAWA-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	余川生活改善センター	余川町38-1-1 Yokawa-cho 38-1-1	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời	
				全災害時 Mọi thiên tai	余川公園	Công viên Yokawa Koon	余川町3-3-24 Yokawa-cho 3-3-24	屋外 Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	越前の里駐車場	Bãi đậu xe Echizen-no-sato (Nhà hàng Soba)	余川町55-1 Yokawa-cho 55-1	屋外 Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	味真野小学校グラウンド	Sân trường của trường tiểu học Ajimano Shoogakkoo Guraundo	池泉町9 Ikeizumi-cho 9	屋外 Ngoài trời
池泉町		IKEIZUMI-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	池泉町生活改善センター	池泉町5-10-1 Ikeizumi-cho 5-10-1	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời	
				全災害時 Mọi thiên tai	味真野神社境内	Đền Ajimano-jinja	池泉町21 Ikeizumi-cho 21	屋外 Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	越前の里 お祭り広場	Quảng trường Echizen-no-Sato Omatsuri Hiroba	池泉町20 Ikeizumi-cho 20	屋外 Ngoài trời
文室町		FUMURO-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	文室集落センター	文室町 Fumuro-cho	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời	
				全災害時 Mọi thiên tai	大豊化学前	Trước nhà máy Taihoo Kagaku	文室町 Fumuro-cho	屋外 Ngoài trời
萱谷町		KAYADANI-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	萱谷町生活改善センター	萱谷町21-27 Kayadani-cho 21-27	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời	
				全災害時 Mọi thiên tai	若越みどりの村	Người có cơ sở hỗ trợ khuyết tật Jakuetsu Midori-no-mura	萱谷町2-12-1 Kayadani-cho 2-12-1	屋内 Trong nhà
上大坪町		KAMIOTSUBO-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	福井県立南越特別支援学校	上大坪町35-1-1 Kamiootsubo-cho 35-1-1	屋内 Trong nhà	
味真野町		AJIMANO-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	味真野町公民館前広場	味真野町8-12 Ajimao-cho 8-12	屋外 Ngoài trời	
南小山町		MINAMIOYAMA-CHO		風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	小山町生活改善センター	南小山町5-18 Minamioyama-cho5-18	屋内 Trong nhà	
				全災害時 Mọi thiên tai	小山町生活改善センター前	Trước trung tâm Oyama-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	南小山町5-18 Minamioyama-cho 5-18	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời
北小山町		KITAOYAMA-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	北小山町公民館	北小山町1-26 Kitaoyama-cho1-26	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời	
吉村町		YOSHIMURA-CHO		地震時 Động đất	吉村町公民館前	北小山町24-3 Kitaoyama-cho 24-3	屋外 Ngoài trời	
若宮町		WAKAMIYA-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	若宮神社	若宮町 Wakamiya-cho	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời	
五分市町		GOBUICHI-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	味真野小学校グラウンド	池泉町9 Ikeizumi-cho 9	屋外 Ngoài trời	
				全災害時 Mọi thiên tai	五分市町コミュニティセンター	Trung tâm cộng đồng Gobuichi-cho Komyunityii Sentaa	五分市町4-1 Gobuichi-cho 4-1	屋内 Trong nhà
清水頭町		SHIMIZUGASHIRA-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	二葉保育園園庭	五分市町3-6-1 Gobuichi-cho 3-6-1	屋外 Ngoài trời	
上真柄町		KAMIMAKARA-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	上真柄町ふれあい会館	上真柄町44-2 Kamimakara-cho 44-2	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời	
徳間町		TOKUMA-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	徳間町公民館	上真柄町(徳間) Kamimakara-cho(Tokuma)	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời	
宮谷町		MIYADANI-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	宮谷町公民館	宮谷町1-9-1 Miyadani-cho 1-9-1	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời	
奥宮谷町		OKUMIYADANI-CHO		風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	宮谷町生活改善センター	宮谷町45-38-1 Miyadani-cho 45-38-1	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời	
			地震時 Động đất	大山昨神社前広場	Quảng trường trước đền Oyamasaku-jinja	宮谷町61 Miyadani-cho 61	屋外 Ngoài trời	
味真野団地		AJIMANODANCHI		風水害時 Thiệt hại do gió và lũ lụt	宮谷町生活改善センター	宮谷町45-38-1 Miyadani-cho 45-38-1	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời	
			地震時 Động đất	大山昨神社前広場	Quảng trường trước đền Oyamasaku-jinja	宮谷町61 Miyadani-cho 61	屋外 Ngoài trời	

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng		災害区分Khu vực thiên tai		住所Địa chỉ		電話番号Số điện thoại
味真野小学校	Trường tiểu học Ajimano Shoogakkoo	全災害	Mọi thiên tai	池泉町9-1	Ikeizumi-cho 9-1	0778-27-1323

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

白山地区Khu vực SHIRAYAMA

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời 】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đội,... vv	災害区分Khu vực thiên tai	一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời	避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán	屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời
都辺町		TOBE-CHO		地震時	白山小学校グラウンド	都辺町24-2	
上杉本町		KAMISUGIMOTO-CHO		地震時	白山小学校グラウンド	都辺町24-2	
二階堂町		NIKAIDO-CHO		全災害時	白山神社下広場	二階堂町	
千合谷町		SENGODANI-CHO		風水害時	白山舎(建物中又は駐車場北側)	二階堂町地係	
千合谷町		SENGODANI-CHO		地震時	白山舎(建物中又は駐車場)	二階堂町地係	
菖蒲谷町		SHOBUDANI-CHO		全災害時	元JA越前たけふ西部支店	堀町11-14-1	
堀町		HORI-CHO		全災害時	元JA越前たけふ西部支店	堀町11-14-1	
土山小谷町		TSUTIYAMAODANI-CHO		地震時	バス停横空地	土山町地係	
安戸町		YASUDO-CHO	-	-	-(設定しない)	-	
米口仏谷町		KOMEGUCHIHOTOKEDANI-CHO		全災害時	米口町集落センター	米口町20-3	
丸岡町		MARUKA-CHO		全災害時	丸岡・沓掛町ふれあい会館	丸岡町31-37-4	
沓掛町		KUTSUKAKE-CHO		地震時	広場公園	丸岡町地係	
上黒川町		KAMIKUROKAWA-CHO		全災害時	(一次)集落東側三角地帯	黒川町地係	
上黒川町		KAMIKUROKAWA-CHO		全災害時	(二次)春日神社ふもと	黒川町地係	
下黒川町		SHIMOKUROKAWA-CHO		全災害時	(一次)八幡神社公園	黒川町地係	
下黒川町		SHIMOKUROKAWA-CHO		全災害時	(二次)敬覚寺	黒川町地係	
安養寺町		ANYOJI-CHO		全災害時	安養寺生活改善センター	安養寺町84-42	
			風水害時	専応寺(一部住民用)	安養寺町88-7		
			風水害時	養徳寺(一部住民用)	安養寺町90-33		
曾原町		SOHARA-CHO		全災害時	曾原町生活改善センター	曾原町1番地	
栗野町		AWANO-CHO		全災害時	-(設定しない)	-	
小杉町		KOSUGI-CHO		全災害時	小杉町生活改善センター	小杉町	
牧町		MAKI-CHO		全災害時	のぼり北側建物消火器具付近	牧町地係	
若須町		WAGASU-CHO		全災害時	(一次)白山神社	若須町地係	
若須町		WAGASU-CHO		全災害時	(二次)集落西側	若須町地係	
中野町		NAKANO-CHO		地震時	中野生活改善センター北側神社ふもと	中野町地係	
萩原町		HAGIWARA-CHO		地震時	萩原町集落消火栓より北東	萩原町地係	
鴉ヶ平町		KARASUGADAIRA-CHO		全災害時	水野農園駐車場	水野農園駐車場	

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所	Khu vực sơ tán diện rộng	災害区分	Khu vực thiên tai	住所	Địa chỉ	電話番号Số điện thoại
白山小学校	Trường tiểu học Shirayama Shoogakkoo	全災害	Mọi thiên tai	都辺町24-2	Tobe-cho 24-2	0778-28-1002
武生第五中学校	Trường trung học Takefu Dai-go Chuugakkoo	全災害	Mọi thiên tai	都辺町36-73	Tobe-cho 36-73	0778-28-1004

Nó đang được sửa đổi

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

粟田部地区Khu vực AWATABE

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời 】

町名	班等	Tên Phường		Nhóm đội,... vv		災害区分Khu vực thiên tai		一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời		避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán		屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời	
西椋尾町		NISHIKASHIO-CHO				全災害時	Mọi thiên tai	西椋尾公民館・運動公園	Hội trường công cộng Nishikashio Koominkan・Công viên thể dục Undoo Kooen	西椋尾町11-6	Nishikashio-cho 11-6	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
西山	上・中・新	NISHIYAMA	KAMI・NAKA・SHIN	全災害時	Mọi thiên tai	うすずみ会館	Hội trường Usuzumi Kaikan	栗田部町71-3-2	Awatabe-cho 71-3-2	屋内	Trong nhà		
	南		MINAMI	全災害時	Mọi thiên tai	うすずみ会館	Hội trường Usuzumi Kaikan	栗田部町71-3-2	Awatabe-cho 71-3-2	屋内	Trong nhà		
			地震時	Động đất	レンタルのツダ前空地	Đất trước cửa hàng Rentaru-no-tsuda	森産業所有地	Đất tại sản công ty Todoraki Sangyo	屋外	Ngoài trời			
	みどり		MIDORI	全災害時	Mọi thiên tai	うすずみ会館	Hội trường Usuzumi Kaikan	栗田部町71-3-2	Awatabe-cho 71-3-2	屋内	Trong nhà		
栄	二日市・栄・新栄	SAKAE	FUTSUKAICHI・	全災害時	Mọi thiên tai	うすずみ会館	Hội trường Usuzumi Kaikan	栗田部町71-3-2	Awatabe-cho 71-3-2	屋外	Ngoài trời		
			SAKAE・SHINSAKAE	地震時	Động đất	花筐小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Kakyoo Shoogakkoo Taiikukan	栗田部41-12	Awatabe-cho 41-12	屋内	Trong nhà		
宝栄		HOEI				全災害時	Mọi thiên tai	今立体育センター	Trung tâm Giáo dục thể chất Imadate Taiiku Sentaa	岩本町1-9	Iwamoto-cho 1-9	屋内	Trong nhà
蓬莱	共通	HORAI	Tất cả các nhóm	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	感応寺	Chùa Kannoo-ji	栗田部町28-32	Awatabe-cho 28-32	屋内	Trong nhà		
				風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	教順寺	Chùa Kyoojun-ji	栗田部町23-24	Awatabe-cho 23-24	屋内	Trong nhà		
				風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	円正寺	Chùa Enshoo-ji	栗田部町23-31	Awatabe-cho 23-31	屋内	Trong nhà		
	谷、本町大門		TANI, HONMACHI, DAIMON	地震時	Động đất	花筐小学校	Trường tiểu học Kakyoo Shoogakkoo	栗田部町41-12	Awatabe-cho 41-12	屋外	Ngoài trời		
	八幡		HACHIMAN	地震時	Động đất	島会館前広場	Quảng trường trước hội trường Shima Kaikan	栗田部町22-22	Awatabe-cho22-22	屋外	Ngoài trời		
	新道、馬場		SHINMICHI, BABA	地震時	Động đất	花筐公園	Công viên Kakyoo Kooen	栗田部町17-20	Awatabe-cho 17-20	屋外	Ngoài trời		
富永	鞍谷川北	TOMINAGA	KURATANIGAWA KITA	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	認定こども園あわたへ(開園時)	Nhà trẻ Nintei-Kodomoen Awatabe (Tại thời điểm khai trương)	栗田部町46-2	Awatabe-cho 46-2	屋内	Trong nhà		
				風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	うすずみ会館	Hội trường Usuzumi Kaikan	栗田部町71-3-2	Awatabe-cho 71-3-2	屋内	Trong nhà		
				地震時	Động đất	花筐小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Kakyoo Shoogakkoo Taiikukan	栗田部町41-12	Awatabe-cho 41-12	屋内	Trong nhà		
	鞍谷川東		KURATANIGAWA HIGASHI	全災害時	Mọi thiên tai	いまだて芸術館	Imadate Geijutsukan (Hội trường văn hóa)	栗田部町11-1-1	Awatabe-cho 11-1-1	屋内	Trong nhà		
鞍谷川南	KURATANIGAWA MINAMI		全災害時	Mọi thiên tai	今立体育センター	Trung tâm giáo dục thể chất Imadate Taiiku Sentaa	岩本町1-9	Iwamoto-cho 1-9	屋内	Trong nhà			
鞍谷(中央1・2丁目)		KURATANI(CHUO 1・2 CHOME)		全災害時	Mọi thiên tai	いまだて芸術館	Imadate Geijutsukan (Hội trường văn hóa)	栗田部町11-1-1	Awatabe-cho 11-1-1	屋内	Trong nhà		
				地震時	Động đất	栗田部体育館	Phòng tập thể dục Awatabe Taiikukan	栗田部町中央一丁目501	Awatabe-cho Chuo 1 Chome 501	屋内	Trong nhà		
				地震時	Động đất	さくら広場	Quảng trường Sakura Hiroba	栗田部町38-1	Awatabe-cho38-1	屋外	Ngoài trời		
旭	舟橋	ASAHI	FUNABASHI	地震時	Động đất	花筐小学校グラウンド	Sân trường của trường tiểu học Kakyoo Shoogakkoo Guranudo	栗田部町41-12	Awatabe-cho 41-12	屋外	Ngoài trời		
	仲佐山		NAKASAYAMA	全災害時	Mọi thiên tai	佐山姫公園	Công viên Sayamahime Kooen	栗田部町15-53-1	Awatabe-cho 15-53-1	屋外	Ngoài trời		
				風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	妙導寺	Chùa Myoodoo-ji	栗田部町28-30	Awatabe-cho 28-30	屋外	Ngoài trời		
	上佐山		KAMISAYAMA	全災害時	Mọi thiên tai	佐山姫公園	Công viên Sayamahime Kooen	栗田部町15-53-1	Awatabe-cho 15-53-1	屋外	Ngoài trời		
	佐山銀座天神		SAYAMAGINZA	全災害時	Mọi thiên tai	佐山姫公園	Công viên Sayamahime Kooen	栗田部町15-53-1	Awatabe-cho 15-53-1	屋外	Ngoài trời		
			TENJIN	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	善玖寺	Chùa Zenkyuu-ji	栗田部町16-12	Awatabe-cho16-12	屋外	Ngoài trời		
	下佐山		SIMOSAYAMA	地震時	Động đất	佐山姫公園	Công viên Sayamahime Kooen	栗田部町15-53-1	Awatabe-cho 15-53-1	屋外	Ngoài trời		
				風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	関組	Công ty xây dựng Sekigumi	栗田部町6-26	Awatabe-cho 6-26	屋外	Ngoài trời		

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng		災害区分Khu vực thiên tai		住所Địa chỉ		電話番号Số điện thoại
花筐小学校	Trường tiểu học Kakyoo Shoogakkoo	地震時	Động đất	粟田部町41-12	Awatabe-cho 41-12	0778-42-0045
いまだて芸術館	Imadate Geijutsukan (Hội trường văn hóa)	全災害	Mọi thiên tai	粟田部町11-11-1	Awatabe-cho 11-1-1	0778-42-2700
今立体育センター	Trung tâm Giáo dục thể chất Imadate Taiiku Sentaa	全災害	Mọi thiên tai	岩本町1-9	Iwamoto-cho 1-9	0778-43-1587

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

岡本地区Khu vực OKAMOTO

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời 】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đội,... vv	災害区分	Khu vực thiên tai	一次避難場所名称	Địa điểm lánh nạn tạm thời	避難場所の所在地	Địa chỉ nơi sơ tán	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
不老町		OIZU-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	不老公民館	Hội trường công cộng Oizu Koominkan	不老町66-1	Oizu-cho 66-1	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
大滝町		OTAKI-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	越前和紙組合跡地	Văn phòng Echizenwashi-kumiai cũ	大滝町11-11	Otaki-cho 11-11	屋外	Ngoài trời
岩本町	1～11組	IWAMOTO-CHO	Nhóm đội 1-11	全災害時	Mọi thiên tai	岩本公民館	Hội trường công cộng Iwamoto Koominkan	岩本町10-49-1	Iwamoto-cho 10-49-1	屋外	Ngoài trời
	12～15組			全災害時	Mọi thiên tai	今立体育センター	Trung tâm giáo dục thể chất Imadate Taiiku Sentaa	岩本町1-9	Iwamoto-cho 1-9	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
新在家町		SHINZAIKE-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	パピルス館	Papirusukan (Hội trường giấy Nhật)	新在家町8-44	Sinzaike-cho 8-44	屋外	Ngoài trời
定友町	2～8班	SADATOMO-CHO	Nhóm đội 2-8	全災害時	Mọi thiên tai	岡本小学校グラウンド	Sân trường của trường tiểu học Okamoto Shoogakkoo Guraundo	定友町10-15	Sadatomo-cho 10-15	屋外	Ngoài trời
	1・9～12班			全災害時	Mọi thiên tai	あいぱーく今立駐車場	Bãi đậu xe Aipaku imadate	粟田部町9-1-9	Awatabe-cho 9-1-9	屋外	Ngoài trời
杉尾町		SUGIO-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	杉尾集落センター	Trung tâm Sugio Shuuraku Sentaa	杉尾町18-63-1	Sugio-cho 18-63-1	屋内	Trong nhà
				全災害時	Mọi thiên tai	社会福祉センター	Trung tâm Shakaifukushi Sentaa	杉尾町1-27-1	Sugio-cho 1-27-1	屋内	Trong nhà
轟井町		TODOROI-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	南林寺	Chùa Nanrin-ji	轟井町31-2	Todoroi-cho 31-2	屋内	Trong nhà
				全災害時	Mọi thiên tai	月尾サブセンター	Trung tâm Tsukio Sabusentaa	轟井町21-29-1	Todoroi-cho 21-29-1	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
島町	北側	SHIMA-CHO	Phía bắc	全災害時	Mọi thiên tai	南林寺	Chùa Nanrin-ji	轟井町31-2	Todoroi-cho 31-2	屋内	Trong nhà
	南側			全災害時	Mọi thiên tai	月尾サブセンター	Trung tâm Tsukio Sabusentaa	轟井町21-29-1	Todoroi-cho 21-29-1	屋内	Trong nhà
長五町		CHOGO-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	八石集落センター	Trung tâm Hachikoku Shuuraku Sentaa	八石町2-42	Hachikoku-cho 2-42	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
大平町	西側	OHIRA-CHO	Phía tây	全災害時	Mọi thiên tai	大平公民館	Hội trường công cộng Oohira Koominkan	大平町21-1	Ohira-cho 21-1	屋内	Trong nhà
	東側			全災害時	Mọi thiên tai	八石集落センター	Trung tâm Hachikoku Shuuraku Sentaa	八石町2-42	Hachikoku-cho 2-42	屋内	Trong nhà
八石町		HACHIKOKU-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	八石集落センター	Trung tâm Hachikoku Shuuraku Sentaa	八石町2-42	Hachikoku-cho 2-42	屋内	Trong nhà
中印町		NAKAIN-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	本竜寺(境内)	Chùa Honryuu-ji	中印町37-23	Nakain-cho 37-23	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	八石集落センター	Trung tâm Hachikoku Shuuraku Sentaa	八石町2-42	Hachikoku-cho 2-42	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
別印町		BETSUIN-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	教徳寺(境内)	Chùa Kyootoku-ji	別印町3-41	Betsuin-cho 3-41	屋外	Ngoài trời
南坂下町		MINAMISAKASHITA-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	白山神社境内	Đền Hakusan-jinja	南坂下町22-28	Minamisakashita-cho 22-28	屋外	Ngoài trời

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng		災害区分Khu vực thiên tai		住所Địa chỉ		電話番号Số điện thoại
岡本小学校	Trường tiểu học Okamoto Shoogakkoo	全災害	Mọi thiên tai	定友町10-15	Sadatomo-cho 10-15	0778-42-0101

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

南中山・服間地区Khu vực MINAMINAKAYAMA・FUKUMA

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời】

地区Khu vực	町名 班等	Tên Phường	Nhóm đội,... vv	災害区分Khu vực thiên tai	一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời	避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán	屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời		
南中山 MINAMINA KAYAMA	野岡町	NOOKA-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	野岡公民館	野岡町25-9-14	Nooka-cho 25-9-14	屋内	Trong nhà
	マインドタウン	MAINDOTAUN	全災害時	Mọi thiên tai	南越中学校体育館	野岡町28-4	Nooka-cho 28-4	屋内	Trong nhà
	山室町	YAMAMURO-CHO	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	山室集落センター	山室町49-31-1	Yamamuro-cho 49-31-1	屋内	Trong nhà
			地震時	Động đất	山室町広場	山室町40-10	Yamamuro-cho 40-10	屋外	Ngoài trời
	富士見台	FUJIMIDAI	全災害時	Mọi thiên tai	集会広場	野岡町62-1-3	Nooka-cho 62-1-3	屋外	Ngoài trời
	下戸板	SIMOTOITA	全災害時	Mọi thiên tai	今立勤労青少年ホーム	西庄境町21-7-1	Nishishozakai-cho 21-7-1	屋内	Trong nhà
	東庄境町	HIGASHISHOZAKAI-CHO	地震時	Động đất	東庄境町開発センター	東庄境町18-3	Higashishozakai-cho 18-3	屋内	Trong nhà
	西庄境町	NISHISHOZAKAI-CHO	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	明光寺境内	西庄境町10-18	Nishishozakai-cho 10-18	屋外	Ngoài trời
			地震時	Động đất	西庄境公民館	西庄境町	Nishishozakai-cho	屋内	Trong nhà
	赤坂町	AKASAKA-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	赤坂集落センター	赤坂町47-3	Akasaka-cho 47-3	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	新堂町	SINDO-CHO	地震時	Động đất	新堂集落センター	新堂町12-22-2	Shindo-cho 12-22-2	屋内	Trong nhà
	国中町	KUNINAKA-CHO	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	国中集落センター	国中町19-1	Kuninaka-cho 19-1	屋内	Trong nhà
			地震時	Động đất	レンタルのツダ駐車場	国中町61-63	Kuninaka-cho 61-63	屋外	Ngoài trời
	中津山町	NAKATSUYAMA-CHO	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	中津山生活改善センター	中津山町64-1-1	Nakatsuyama-cho 64-1-1	屋内	Trong nhà
	仲山町	NAKAYAMA-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	今立勤労青少年ホーム	西庄境町21-7-1	Nishishozakai-cho 21-7-1	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
服間 FUKUMA	朽飯町	KUDASHI-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	朽飯集落センター	朽飯町17-16-1	Kudashi-cho 17-16-1	屋内	Trong nhà
	高岡町	TAKAOKA-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	高岡公民館	高岡町2-1	Takaoka-cho 2-1	屋外	Ngoài trời
	藤木町	FUJINOKI-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	服間小学校グラウンド	藤木町12-11	Fujinoki-cho 12-11	屋外	Ngoài trời
	領家町	RYOKE-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	服間駐在所	領家町	Ryoke-cho	屋外	Ngoài trời
			全災害時	Mọi thiên tai	領家公民館	領家町	Ryoke-cho	屋内	Trong nhà
			全災害時	Mọi thiên tai	吉田昂氏宅北側広場	領家町3-14-1	Ryoke-cho 3-14-1	屋外	Ngoài trời
	春山町	HARUYAMA-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	運動広場	春山町26-1	Haruyama-cho 26-1	屋外	Ngoài trời
	東樫尾町	HIGASHIKASHIO-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	東樫尾集落センター	東樫尾町15	Higashikashio-cho 15	屋内	Trong nhà
			風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	神明神社公園	東樫尾町	Higashikashio-cho	屋外	Ngoài trời
	波垣町	NAMIGAKI-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	波垣公民館	波垣町13	Namigaki-cho 13	屋外	Ngoài trời
	寺地町	TERAJI-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	寺地公民館	寺地町19	Teraji-cho 19	屋外	Ngoài trời
	横住町	YOKOZUMI-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	横住開発センター	横住町40-6-2	Yokozumi-cho 40-6-2	屋内	Trong nhà
	清根町	KIYONE-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	もやいの郷・農楽園	横住町17-29	Yokozumi-cho 17-29	屋内	Trong nhà
	相木町	AINOKI-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	相木集落改善センター	相木町15-5	Ainoki-cho 15-5	屋内	Trong nhà
	西河内町	NISHIGOCHI-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	西河内集落センター	西河内町23-3	Nishigochi-cho 23-3	屋内	Trong nhà
	室谷町	MUROTANI-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	室谷町集落センター	室谷町50-67	Murotani-cho 50-67	屋内	Trong nhà
	長谷町	NAGATANI-CHO	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	長谷生活改善センター	長谷町24-1	Nagatani-cho 24-1	屋内	Trong nhà
			地震時	Động đất	小次郎公園駐車場	北坂下町	Kitasakashita-cho	屋外	Ngoài trời
	北坂下町	KITASAKASHITA-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	北坂下・殿集落センター	北坂下町7	Kitasakashita-cho 7	屋内	Trong nhà
	殿町	TONO-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	北坂下・殿集落センター	北坂下町7	Kitasakashita-cho 7	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	大谷町	OTANI-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	大谷集落センター	大谷町5-15	Otani-cho 5-15	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	南中町	MINAMINAKA-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	南中集落センター	南中町6-44	Minaminaka-cho 6-44	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	赤谷町	AKATANI-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	赤谷公民館	赤谷町	Akatani-cho	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	水間町	MIZUMA-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	水間集落センター	水間町6-26	Mizuma-cho 6-26	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	柳元町	YANAGIMOTO-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	柳元町集落センター	柳元町6-20	Yanagimoto-cho 6-20	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	市野々町	ICHINONO-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	市野々公民館	市野々町6-25	Ichinono-cho 6-25	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện r

地区Khu vực	広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng	災害区分Khu vực thiên tai		住所Địa chỉ		電話番号Số điện thoại
南中山 MINAMINA KAYAMA	南越中学校 Trường trung học Nan-etsu Chuugakkoo	全災害	Mọi thiên tai	野岡町28-4	Nooka-cho 28-4	0778-42-1870
服間 FUKUMA	服間小学校 Trường tiểu học Fukuma Shoogakkoo	全災害	Mọi thiên tai	藤木町12-11	Fujinoki-cho 12-11	0778-42-1002